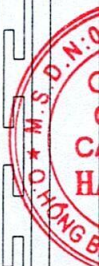


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Hải Phòng, Tháng 4/2026

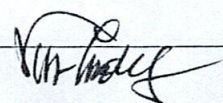


[Handwritten signature]

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích các thuật ngữ trong Điều lệ	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ VÀ PHẠM VI KINH DOANH CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	10
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	14
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát	14
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 11. Quyền của cổ đông	14
Điều 12. Nghĩa vụ chung của cổ đông	16
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông	19
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 18. Thê thức tiến hành họp, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	25
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	28
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 24. Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	31
Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	33
Điều 28. Các cuộc họp Hội đồng quản trị	35
Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	38
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	38
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	38

Điều 32. Người điều hành Công ty, phân cấp Cán bộ quản lý	39
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	40
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT, BAN THƯ KÝ CÔNG TY	42
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát.....	42
Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát	43
Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát	44
Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát.....	44
Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát	46
Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	46
Điều 40. Ban Thư ký Công ty	46
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	47
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	47
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	48
CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	48
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	48
CHƯƠNG XII: TỔ CHỨC ĐẢNG, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ CÔNG NHÂN VIÊN	49
Điều 44. Tổ chức Đảng, tổ chức chính trị – xã hội và công nhân viên.....	49
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	51
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	51
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	52
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	52
Điều 47. Năm tài chính	52
Điều 48. Chế độ kế toán.....	52
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	52
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	52
Điều 50. Báo cáo thường niên, tiếp nhận và công bố thông tin.....	53
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	54
Điều 51. Kiểm toán và Giám sát nội bộ.....	54
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	55
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp	55
CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY.....	56
Điều 53. Giải thể Công ty	56
Điều 54. Thanh lý.....	56
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	56
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	56
CHƯƠNG XX: KẾ THỪA, BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	57
Điều 56. Kế thừa, Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	57
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC.....	58
Điều 57. Ngày hiệu lực	58



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng được lập và thông qua lần đầu tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng họp ngày 30 tháng 03 năm 2015. Được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất tại Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 07 năm 2016; Sửa đổi, bổ sung lần thứ hai tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 04 năm 2019; Sửa đổi, bổ sung lần thứ ba tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 04 năm 2022.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được thống nhất thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng số 86/NQ-DHĐCĐ-2026 ngày 22 tháng 4 năm 2026.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích các thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. “Vốn Điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Khoản 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

1.2. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1.3. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025.

1.4. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

1.5. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.6. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

1.7. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

1.8. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc.

1.9. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

1.10. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

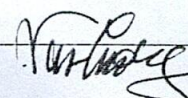
1.11. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và có tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty (danh sách cổ đông thời điểm cổ phần hóa).

1.12. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

1.13. “Cơ quan đại diện chủ sở hữu” là Ủy ban nhân dân thành phố (UBND TP) Hải Phòng hoặc cơ quan được Chính phủ giao thực hiện quyền trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

1.14. “Người đại diện phần vốn nhà nước” là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty.

1.15. “Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp” là cá nhân được công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của Công ty đối với phần vốn của Công ty đầu tư tại Doanh nghiệp khác.



1.16. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

1.17. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều, Mục của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ không được định nghĩa trong Điều lệ này được giải thích theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

1.1. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Tên tiếng Việt viết tắt: CÔNG TY CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

1.2. Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAIPHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Tên nước ngoài viết tắt: HAI PHONG WATER.

2. Hình thức: Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Số 54 đường Đinh Tiên Hoàng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại: (0225) 3745.377 - Fax: (0225) 3823.748

- Email: congtycophancapnuochaiphong@gmail.com, ctycapnuoc@haiphong.gov.vn

- Website: www.capnuochaiphong.com.vn

Việc di dời trụ sở đi nơi khác (nếu có) sẽ do Đại Hội đồng cổ đông quyết định.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc liên doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty được tính từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và là vô thời hạn. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

1. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty:

Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b) Trung thành với lợi ích của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Ủy quyền thực hiện quyền của Người đại diện theo pháp luật:

Khi cần thiết, Người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản (ủy quyền thường xuyên hoặc ủy quyền theo vụ việc) cho Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Chi nhánh, Xí nghiệp trực thuộc hoặc những người quản lý, điều hành khác để thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền và nghĩa vụ của Người đại diện pháp luật (Chủ tịch hội đồng quản trị).

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ VÀ PHẠM VI KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của công ty là:

TT	Tên ngành nghề kinh doanh (áp theo mã ngành cấp 4)	Mã ngành
1.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác	3600 (Chính)
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Đào tạo cao đẳng Chi tiết: Dạy nghề	8533

TT	Tên ngành nghề kinh doanh (áp theo mã ngành cấp 4)	Mã ngành
4.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Quản lý và kinh doanh điện	3513
5.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4222
6.	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông đường sắt	4211
7.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông đường bộ	4212
8.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, hệ thống cấp, thoát nước	4322
9.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
10.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4293
11.	Xây dựng nhà ở	4101
12.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị ngành cấp, thoát nước	4673
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng chuyên ngành cấp, thoát nước	4659
15.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng	6810
16.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn nước tinh lọc, Bán buôn nước đá viên tinh khiết	4633
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar)	5610
20.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: Sản xuất nước đá	3530
21.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
22.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

TT	Tên ngành nghề kinh doanh (áp theo mã ngành cấp 4)	Mã ngành
23.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước tinh lọc	1105
24.	Ngành Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất vật tư thiết bị ngành nước	3290
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo	8230
26.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm nghiệm chất lượng nước; Dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh	7120
27.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị, công nghệ xử lý chất thải và chất thải rắn, động lực	3320
28.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn hệ thống quản lý chất lượng nước; Dịch vụ lập quy hoạch, dự án đầu tư, thẩm tra, thẩm định dự án cấp nước; Quản lý các công trình cấp nước nội ngoại thành thành phố Hải Phòng; Tư vấn đấu thầu xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị, công trình cấp thoát nước; Hướng dẫn quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị ngành nước	7020
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa (bao gồm vận tải các chất oxy hóa, các ôxít hữu cơ và các chất ăn mòn phục vụ sản xuất nước sạch)	4933
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế, thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, hệ thống cấp nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ khí cho công trình xây dựng; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: cấp, thoát nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ: cấp, thoát nước cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cấp – thoát nước các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình cấp – thoát nước; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông đường bộ, cầu đường; Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế cấu kiện, kết cấu chịu lực, áp lực; Thiết kế công trình điện dân dụng và công nghiệp; Tư vấn định giá công trình xây dựng; Khảo sát địa hình; Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát và thí nghiệm địa chất công trình; Dịch vụ kiểm tra, đo đạc và lập bản đồ. Hoạt động tư vấn đấu thầu xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị, công trình cấp thoát nước; Hướng dẫn quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị ngành nước.	7110
31.	Lập trình máy vi tính	6201

TT	Tên ngành nghề kinh doanh (áp theo mã ngành cấp 4)	Mã ngành
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách đường thủy	5222
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ	5225

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Vì sức khỏe cộng đồng và sự thỏa mãn của khách hàng.
- Vì lợi nhuận và cổ tức của cổ đông.
- Không ngừng nâng cao đời sống cho Cán bộ Công nhân viên

3. Định hướng phát triển của công ty, bao gồm ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ và các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp đến thời điểm họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông mà chưa có ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện Chủ sở hữu, cuộc họp phải xem xét hoãn hoặc điều chỉnh nội dung họp.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

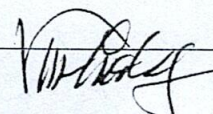
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam (VNĐ), ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ).

2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Công ty là: 742.069.400.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai tỷ, sáu mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ được chia thành 74.206.940 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

3. Công ty chỉ có thể thay đổi vốn điều lệ sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Việc thay đổi vốn điều lệ phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp đến thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông mà chưa có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Cơ quan đại diện Chủ sở hữu, cuộc họp phải xem xét hoãn hoặc điều chỉnh nội dung họp.



4. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi Điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh hoặc trường hợp chia tài sản của Công ty khi giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phát hành của Công ty Cấp nước Hải Phòng là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của công ty, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại của pháp Luật Doanh nghiệp (chứng chỉ do công ty phát hành hoặc dữ liệu điện tử theo quy định).

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:

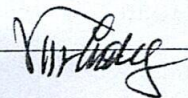
- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành khác quy định.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo những quy định sau đây:

3.1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng.

3.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm 4.2 Điều này.

3.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau:

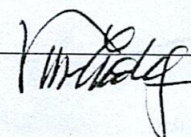
a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng văn bản theo phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

4.1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thay đổi về các vấn đề được quy định tại khoản này.

4.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm 4.1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp chưa có giá thị trường hoặc không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí về việc định giá này do cổ đông thanh toán.



5. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều này được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải thực hiện thủ tục hủy bỏ số cổ phần này và đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Chào bán cổ phần

6.1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

6.2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu; Chào bán cổ phần riêng lẻ; Chào bán cổ phần ra công chúng.

Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

6.3. Cổ phần được coi là đã bán khi người mua đã thanh toán đủ và thông tin về người mua theo quy định pháp luật được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty. Thông tin ghi nhận tối thiểu bao gồm: (i) đối với cổ đông là cá nhân: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân; (ii) đối với cổ đông là tổ chức: tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính; và (iii) số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

Trường hợp cổ phiếu của Công ty thuộc diện đăng ký tập trung và/hoặc lưu ký tập trung theo pháp luật về chứng khoán, việc xác lập/chuyển quyền sở hữu đối với cổ phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán; việc chuyển quyền sở hữu có hiệu lực theo thời điểm ghi Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) quản lý (theo trường hợp áp dụng).

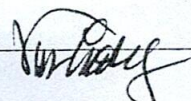
Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phát hành và giao cổ phiếu cho người mua theo hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử; trường hợp không giao cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ, việc ghi nhận trong Sổ đăng ký cổ đông và/hoặc ghi nhận sở hữu thông qua hệ thống đăng ký, lưu ký tập trung (nếu áp dụng) là căn cứ chứng thực quyền sở hữu cổ phần/cổ phiếu của cổ đông.

6.4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

7. Thừa kế cổ phần

7.1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế của cổ đông. Cổ đông được thừa kế theo Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.

7.2. Người thừa kế hợp pháp của cổ đông sẽ đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế với Công ty và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.



7.3. Cổ đông là tổ chức bị giải thể, sáp nhập, chia, tách hoặc phá sản thì quyền thừa kế liên quan đến cổ đông pháp nhân đó được giải quyết theo các quy định của pháp luật.

7.4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty (thực hiện theo mô hình điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp) bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc.
4. Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông

1.1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

1.2. Cổ đông của Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty.

1.3. Cổ đông của Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng là cổ đông phổ thông.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

2.1. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

2.2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu.

2.4. Được chuyển nhượng cổ phần đã thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

2.5. Được xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

2.6. Được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.7. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ.

2.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 9 của Điều lệ này.

2.9. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.

2.10. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

2.11. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2.12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

3.1. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

3.2. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác theo quy định pháp luật, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

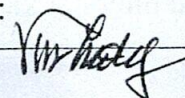
3.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số đăng ký sở hữu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

3.4. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:



a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho công ty biết tối thiểu 05 ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Cơ quan đại diện chủ sở hữu và trách nhiệm phối hợp của Công ty

5.1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu (Cổ đông Nhà nước) thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông thông qua Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Điều lệ này.

5.2. Trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ của Công ty:

a) Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu và bảo đảm thời gian cần thiết để Người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện quy trình nghiên cứu, báo cáo và xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Khoản 6 Điều này.

b) Trường hợp đến thời điểm họp mà chưa có ý kiến chỉ đạo bằng văn bản từ Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các nội dung thuộc diện phải xin ý kiến, Người đại diện phần vốn nhà nước có quyền kiến nghị Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị xem xét hoãn, điều chỉnh chương trình họp đối với các nội dung đó. Trường hợp cuộc họp vẫn tiếp tục tiến hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, Người đại diện phần vốn nhà nước phải ghi nhận ý kiến bảo lưu hoặc bỏ phiếu trắng (không tham gia biểu quyết) đối với nội dung này để bảo đảm tuân thủ quy định về quản lý vốn nhà nước.

6. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty (NĐDPVNN): Người đại diện phần vốn nhà nước có quyền và trách nhiệm theo điều 39 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước.

7. Quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

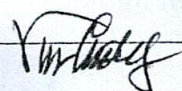
1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - 6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - 6.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - 6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - 6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - 7.1. Vi phạm pháp luật.
 - 7.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - 7.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
8. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác của cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.



3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

3.2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, lý do và mục đích yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

3.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

3.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

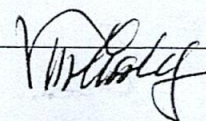
4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại mục 3.2 khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại mục 3.3 và mục 3.4 khoản 3 Điều này.

4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục 4.1 khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục 4.2 khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 3.3 khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

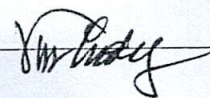
4.4. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.



Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (Thẩm quyền quyết định với các trường hợp khác thuộc Hội đồng quản trị hoặc theo các quy chế/quy định nội bộ liên quan). Trường hợp quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu (trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu) phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất.
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.



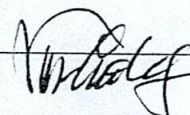
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty.
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần.
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.



Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

3.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

3.2. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền.

3.3. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trong hai mươi bốn (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.

2.3. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.

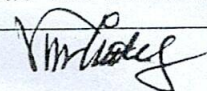
2.4. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

2.5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.

2.6. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

2.7. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết



tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần cổ đông nắm giữ, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung quy định tại Khoản 4 Điều này.

5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này.

5.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

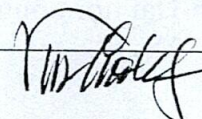
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.



Điều 18. Thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

1.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký sở hữu, họ tên của cổ đông hoặc họ tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

1.2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi Đại hội đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

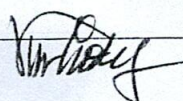
2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2.2. Trừ trường hợp quy định tại mục 2.1 khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2.3. Chủ tọa cử một đến ba thư ký Đại hội, người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

2.4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.



4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

7.1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

7.2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

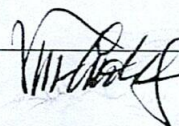
8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

8.2. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

8.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều



144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

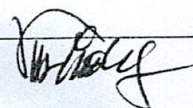
3.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;
- e) Vấn đề khác do Điều lệ này quy định.

3.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại mục 3.1 khoản 3 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

3.3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua Nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty



Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

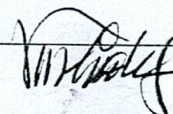
g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.



5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

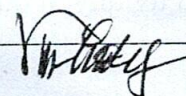
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông, kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- 1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- 1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- 1.3. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.
- 1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký.
- 1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp.



120
CỔ
CỐ
ÁP
AI
9AN

1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

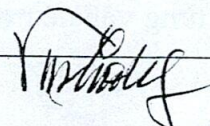
1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 5 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức đôn phiếu. Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử với số phiếu bầu từ cao xuống thấp tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp.



2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử hai ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

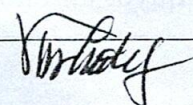
Danh sách đề cử phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) có nhiệm vụ giải quyết công việc hằng ngày.

6. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

6.1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có sức khoẻ và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.



6.2. Là cổ đông được ủy quyền của tổ chức nhưng phải sở hữu tối thiểu 30.000 cổ phần có quyền biểu quyết trở lên; cổ đông chiến lược của Công ty.

6.3. Tốt nghiệp đại học, có năng lực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Ưu tiên người kinh nghiệm quản lý thuộc ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

6.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

7. Đối với ứng viên thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông Nhà nước đề cử/giới thiệu, việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự phải bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác tổ chức, cán bộ; thực hiện đầy đủ các nội dung quy hoạch, tiêu chuẩn, nhận xét, đánh giá, đào tạo/bồi dưỡng, giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm (khi có) theo quy định của Đảng và theo phân cấp quản lý cán bộ trước khi hoàn thiện hồ sơ đề cử/ứng cử trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Điều 24. Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

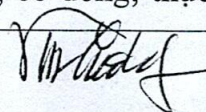
4. Việc thay thế thành viên hội đồng quản trị cơ bản theo nguyên tắc kế thừa, cố gắng đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 3 thành viên cũ.

5. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (nhân sự do cổ đông Nhà nước đề cử/giới thiệu) phải bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ (quy hoạch, tiêu chuẩn, giới thiệu, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm...) theo quy định của Đảng và phân cấp quản lý cán bộ. Người đại diện phần vốn nhà nước có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; thực hiện biểu



quyết theo ý kiến/chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu và phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ được phân công giám sát từng lĩnh vực hoạt động của Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý.

4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; đề xuất phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu (bao gồm trái phiếu chuyển đổi) và các chứng khoán khác (nếu có) theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.

d) Quyết định giá bán/giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán khác của Công ty trong phạm vi thẩm quyền và/hoặc theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.

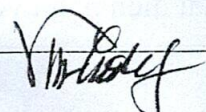
đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật, (không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng) và các trường hợp mua lại khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; tổ chức ban hành và thực hiện cơ chế phân cấp/quy trình quyết định đầu tư nội bộ.

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. Đề cử



người đại diện phần vốn của công ty tham gia quản trị tại các doanh nghiệp có vốn góp và quyết định mức thù lao, quyền lợi khác của những người đó.

Hội đồng quản trị quyết định thù lao cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký/bộ phận giúp việc theo quy chế nội bộ.

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty; phê duyệt các định mức; quyết định thành lập công ty con, liên doanh (nếu có), chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần và việc mua/bán phần vốn góp/cổ phần của doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh theo quy định pháp luật và Điều lệ.

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định.

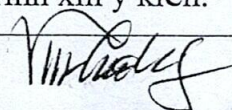
s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

6. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hiện hành hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

7. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, ngoài các quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ này và pháp luật có liên quan, đồng thời phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước.

Hội đồng quản trị/Công ty bảo đảm cung cấp hồ sơ, tài liệu và thời gian cần thiết để Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty thực hiện quy trình xin ý kiến.



Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình; các chuyến công tác, đối ngoại, hội thảo cần thiết do Hội đồng quản trị cử đi; bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

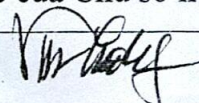
Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch, Hội đồng quản trị có thể bầu một Phó chủ tịch (trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác).

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty (trừ khi Luật hiện hành có quy định khác).

1.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, đồng thời là Bí thư Đảng ủy công ty (trừ giai đoạn chuyển tiếp kiện toàn các chức danh giữa hai nhiệm kỳ).

1.3. Người giữ cương vị Chủ tịch Hội đồng quản trị tuổi đời không được quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật (Ngoại trừ có ý kiến khác của Chủ sở hữu).



2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông; chỉ đạo lập báo cáo tài chính hằng năm; Chỉ đạo lập kế hoạch dài hạn, trung hạn và hằng năm; Chỉ đạo chuẩn bị các tài liệu, nội dung, chương trình ĐHĐCĐ theo quy định để trình HĐQT phê duyệt.

2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; phân công các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty.

2.3. Chuẩn bị hoặc chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

2.4. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2.5. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

2.6. Quyết định mua sắm tài sản cố định không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy chế/quy định nội bộ của Công ty.

2.7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với trường, phó các phòng ban, xí nghiệp, chi nhánh; Kế toán trưởng Ban QLCTCN, Ban Thư ký Công ty, Thư ký Chủ tịch, thư ký Tổng Giám đốc, đại diện Công ty tại các liên doanh.

2.8. Quyết định tiếp nhận lao động với các trường hợp tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với kỳ hạn 1 năm trở lên, trên cơ sở đề nghị của đơn vị được Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc duyệt.

2.9. Có trách nhiệm thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quyết định, quy định, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng quy định.

2.10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

4.1. Tham mưu và giải quyết theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT các vấn đề phát sinh liên quan đến nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng quản trị.



- 4.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp của HĐQT.
 - 4.3. Tư vấn cho Hội đồng quản trị về thủ tục pháp lý của các cuộc họp.
 - 4.4. Tư vấn cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về các vấn đề tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật.
 - 4.5. Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trong giải quyết khiếu nại, tranh chấp liên quan đến các vấn đề hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật.
 - 4.6. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị.
 - 4.7. Hướng dẫn Thư ký lập biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - 4.8. Chủ tọa các cuộc họp theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 28. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

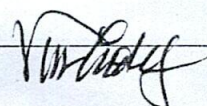
1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện phần vốn nhà nước, cùng các thành viên Hội đồng quản trị được cổ đông nhà nước đề cử tham gia Hội đồng quản trị có nghĩa vụ thực hiện thẩm quyền biểu quyết tại cuộc họp tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước, bao gồm nghĩa vụ báo cáo, xin ý kiến/chỉ đạo bằng văn bản trước khi biểu quyết bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các nội dung thuộc diện phải xin ý kiến.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- 3.1. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý.
- 3.2. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
- 3.3. Đa số thành viên Ban kiểm soát.



4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

7. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác trên lãnh thổ Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

8. Thông báo và chương trình họp:

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Biểu quyết: Trừ quy định tại Khoản 4 Điều 41 Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

11. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

13.1. Nghe các thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

13.2. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

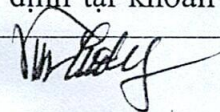
14.1. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

14.2. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, có đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158



Luật Doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro... Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

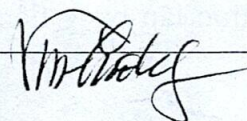
i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty gồm:



- a. Ban điều hành Công ty (gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng);
- b. Các phòng, ban chức năng Công ty;
- c. Các chi nhánh, xí nghiệp, văn phòng đại diện và tương đương.

2. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty, phân cấp Cán bộ quản lý

1. Người điều hành công ty:

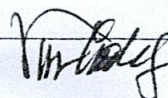
- a. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc (không quá 03), Kế toán trưởng.
- b. Trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc và phù hợp với cơ cấu tổ chức, kế hoạch nhân sự, định biên lao động và các quy chế nội bộ của Công ty, Hội đồng quản trị xem xét, quyết định việc tuyển dụng/bổ nhiệm/thuê người điều hành Công ty (nếu cần) về số lượng, chức danh, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ đãi ngộ theo quy định của pháp luật và các quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Yêu cầu và quy trình đối với các chức danh quản lý này thuộc diện phải thực hiện theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ. Trường hợp nội dung quyết định thuộc diện Người đại diện phần vốn nhà nước phải báo cáo xin ý kiến/chỉ đạo cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết, thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện phần vốn nhà nước chỉ thực hiện biểu quyết theo ý kiến/chỉ đạo hoặc trong phạm vi ủy quyền hợp lệ; nếu đến thời điểm họp chưa có ý kiến/chỉ đạo thì Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét hoãn cuộc họp hoặc hoãn việc xem xét/biểu quyết đối với nội dung đó để bảo đảm tuân thủ.

Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện chức trách được giao trung thực, cẩn trọng, tuân thủ nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, chỉ đạo của Tổng giám đốc và các quy chế nội bộ; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ nhằm hỗ trợ Công ty đạt mục tiêu hoạt động và tổ chức.

c. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định hoặc được quy định trong các quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định ban hành.

d. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.



2. Phân cấp Cán bộ quản lý gồm:

a. Cán bộ quản lý cấp cao (quản lý cấp công ty): Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch/Giám đốc công ty con.

b. Cán bộ quản lý cấp trung (quản lý cấp phòng/Ban/ Chi nhánh):

+ Cấp trưởng và tương đương bao gồm: Trưởng các phòng, Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh, Giám đốc Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố và các chức danh tương đương khác; đại diện của Công ty tham gia HĐQT/ HĐTV, Phó Giám đốc các công ty con, trưởng Văn phòng đại diện, Người phụ trách quản trị công ty.

+ Cấp phó và tương đương bao gồm: Phó trưởng các phòng; Phó Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố, Trợ lý Chủ tịch – Tổng Giám đốc; đại diện vốn của Công ty tại các công ty con/đơn vị thành viên, trưởng các phòng ban tại các công ty con/đơn vị thành viên.

c. Cán bộ quản lý cơ sở: Tổ trưởng các tổ nghiệp vụ (tổng hợp, kỹ thuật...), tổ vận hành, tổ bảo dưỡng sửa chữa, tổ quản lý và kinh doanh nước máy; phó trưởng các phòng ban tại các công ty con/đơn vị thành viên.

d. Việc quản lý cán bộ thực hiện phải đảm bảo nguyên tắc theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác cán bộ, các quy chế/quy định của Đảng ủy và Công ty về tổ chức cán bộ. Khi thực hiện công tác quy hoạch, lựa chọn, giới thiệu, cử/bỏ nhiệm Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty và tại các doanh nghiệp do Công ty đầu tư (nếu có), ưu tiên xem xét nguồn nhân sự tại chỗ (cán bộ, người lao động của Công ty và các đơn vị thành viên) trên cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, quy hoạch và yêu cầu nhiệm vụ.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và quy định mức lương, thù lao và các lợi ích liên quan khác. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

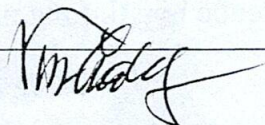
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế nhưng không kéo dài quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật (Ngoại trừ có ý kiến khác của Cơ quan đại diện chủ sở hữu). Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

3.1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

3.2. Có trình độ chuyên môn và/hoặc kinh nghiệm làm việc thực tế trong quản trị hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch; các chức danh trong Ban Điều hành công ty phải trải qua công tác tại công ty ít nhất 5 năm (tính đến thời điểm được bổ nhiệm).

3.3. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.



3.4. Tổng Giám đốc không được đồng thời làm Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của doanh nghiệp khác.

3.5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên Công ty và công ty mẹ; Người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.

4. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

4.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Điều lệ và quy định pháp luật.

4.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư, các kế hoạch công tác của Công ty đã được cấp có thẩm quyền thông qua.

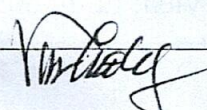
4.3. Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty; kiến nghị Hội đồng quản trị phương án cơ cấu tổ chức, định hướng/giải pháp quản trị điều hành và các nội dung cần Hội đồng quản trị xem xét, quyết định trong phạm vi thẩm quyền.

4.4. Xây dựng, trình Hội đồng quản trị phê duyệt (hoặc phê duyệt theo phân cấp tại các quy chế nội bộ): các định mức kinh tế-kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm/dịch vụ, đơn giá tiền lương-thưởng, các quy trình/quy chế nội bộ thuộc phạm vi điều hành; tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện trong toàn Công ty và đơn vị trực thuộc.

4.5. Tổ chức công tác nhân sự – lao động theo phân cấp: xây dựng kế hoạch lao động, nhu cầu nhân sự; tổ chức tuyển dụng, đào tạo, sử dụng lao động theo quy chế của Công ty; đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền Chủ tịch HĐQT/HĐQT (ví dụ: tiếp nhận lao động và ký HĐLĐ kỳ hạn từ 01 năm trở lên; bổ nhiệm các chức danh theo phân cấp), Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập hồ sơ/đề xuất để cấp có thẩm quyền quyết định và tổ chức triển khai sau khi được phê duyệt.

4.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Điều lệ và quy chế phân cấp quản lý cán bộ; đối với các chức danh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4.7. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động (kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc) theo quy chế/quy định nội bộ và ngân sách/quỹ lương đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện chế độ khen thưởng, kỷ luật theo quy định pháp luật và quy chế của Công ty.



117
IG
PH
VU
HOC
T.P

4.8. Ký kết hợp đồng, giao dịch và ban hành văn bản điều hành trong phạm vi thẩm quyền và trong phạm vi được Người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch HĐQT) ủy quyền (ủy quyền thường xuyên hoặc theo vụ việc) theo Điều lệ; đồng thời bảo đảm tuân thủ các giới hạn thẩm quyền của ĐHCĐ/HĐQT/Chủ tịch HĐQT và quy định công bố thông tin (nếu thuộc diện phải công bố).

4.9. Trình Hội đồng quản trị (và/hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ) phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết năm sau, trên cơ sở mục tiêu, định hướng và kế hoạch trung hạn (05 năm).

4.10. Báo cáo, giải trình trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông (khi được yêu cầu) và chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4.11. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh theo quy định pháp luật và Điều lệ; tổ chức triển khai theo nghị quyết/quyết định của cấp có thẩm quyền.

4.12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, hợp đồng lao động và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc phải điều hành đúng pháp luật, Điều lệ và nghị quyết/quyết định của HĐQT, nếu vi phạm gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường theo quy định.

5. Tổng Giám đốc tổ chức quản lý, sử dụng tài sản, vốn, nguồn lực của Công ty phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế tài chính và các quy chế nội bộ; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng trong phạm vi được giao.

6. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án liên quan đến quyền lợi và để bảo đảm các quyền lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

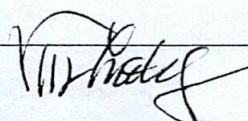
8. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT, BAN THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ này.

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 60% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ đủ 60% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.



3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát gồm từ 03 đến 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

3.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 35 điều lệ này;

3.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

4.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

4.2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

4.3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

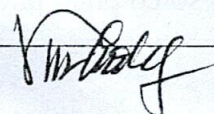
4.4. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

6. Người giữ cương vị trưởng Ban kiểm soát tuổi đời không quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

7. Thành viên Ban kiểm soát là người của tổ chức có tuổi đời không quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật. Tuy nhiên thành viên Ban kiểm soát có thể kéo dài thời gian làm việc sau khi đến tuổi nghỉ hưu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu và Đại hội đồng cổ đông không có ý kiến khác, nhưng thời gian kéo dài tối đa không quá 2/3 nhiệm kỳ hoặc tới hết nhiệm kỳ thực hiện tùy theo thời hạn nào đến trước.

8. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở



hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát như sau:

1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát.
2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát.
3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

4. Thẩm định tính hợp pháp, đầy đủ và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và đưa ra khuyến nghị về Hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty, quy định của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản tới Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội cổ đông thông qua.

10. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

12. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

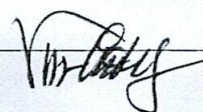
13. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.



e. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.

f. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Chính phủ về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

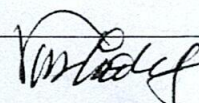
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 40. Ban Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) ban thư ký (1 đến 3 người) làm Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ theo quy định, trong trường hợp lớn hơn một người thì có một người làm trưởng ban thư ký.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty bao gồm:



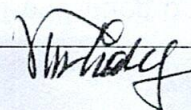
1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty.
4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
5. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị quy định phục vụ công tác quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
6. Ban Thư ký Công ty được nhận thù lao cho công việc của mình, mức thù lao của từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, doanh nghiệp/tổ chức khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán và công bố thông tin và Quy chế công bố thông tin của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ/chưa công bố để thực hiện các giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của các đối tượng liên quan đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của các đối tượng liên quan đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

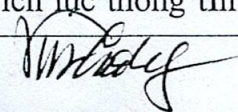
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.

CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa



chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu danh sách cổ đông (tại thời điểm chốt quyền theo quy định), sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

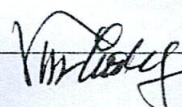
CHƯƠNG XII: TỔ CHỨC ĐẢNG, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ CÔNG NHÂN VIÊN

Điều 44. Tổ chức Đảng, tổ chức chính trị – xã hội và công nhân viên

1. Tổ chức Đảng

1.1. Tổ chức Đảng trong Công ty được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng; là hạt nhân chính trị, lãnh đạo Công ty thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh.

1.2. Tổ chức Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo toàn diện theo quan điểm, nguyên tắc nêu tại Quy định số 48-QĐ/TW ngày 20/12/2021 (bao gồm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; công tác tổ chức, cán bộ; kiểm tra, giám sát; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; lãnh đạo các tổ chức chính trị – xã hội trong doanh nghiệp), trên cơ sở tôn trọng và bảo đảm thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành theo pháp luật và Điều lệ này.



1.3. Trong phạm vi có liên quan đến quản lý và sử dụng phần vốn nhà nước tại Công ty, tổ chức Đảng lãnh đạo việc quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, nguyên tắc, yêu cầu tuân thủ pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các tổ chức có liên quan nhằm bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch và hiệu quả.

2. Tổ chức chính trị – xã hội (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Cựu chiến binh)

2.1. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh (nếu có) trong Công ty được thành lập và hoạt động theo pháp luật, điều lệ của từng tổ chức và các quy chế nội bộ của Công ty.

2.2. Các tổ chức chính trị – xã hội thực hiện chức năng đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên/người lao động; tuyên truyền, vận động chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, nội quy và quy chế của Công ty; tham gia thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phong trào thi đua, cải tiến, thực hành tiết kiệm, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

2.3. Công ty tạo điều kiện để các tổ chức chính trị – xã hội hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; bảo đảm cơ chế phối hợp công tác theo quy định và phù hợp điều kiện thực tế của Công ty.

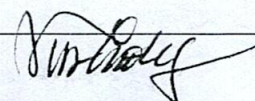
2.4. Tổng giám đốc có trách nhiệm lập kế hoạch và trình Hội đồng quản trị thông qua (trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị) các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức Công đoàn, bảo đảm phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản trị tốt; các quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

3. Công nhân viên

3.1. Công nhân viên (người lao động) của Công ty có quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế nội bộ của Công ty và quy định pháp luật có liên quan; được bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh lao động và các chế độ, chính sách theo quy định.

3.2. Công nhân viên có trách nhiệm chấp hành nghị quyết/quyết định hợp pháp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành; chấp hành nội quy, quy chế, quy trình nghiệp vụ và kỷ luật lao động; bảo vệ tài sản, thương hiệu, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ và tuân thủ quy định về bảo mật thông tin của Công ty và pháp luật.

3.3. Tổng giám đốc có trách nhiệm lập kế hoạch và trình Hội đồng quản trị thông qua (trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị) các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp; bảo đảm tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, quy chế của Công ty và thỏa ước lao động tập thể.



3.4. Công ty khuyến khích công nhân viên học tập nâng cao trình độ, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, công bằng theo quy định của Công ty và pháp luật.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp quy định của luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước, luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định có liên quan. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu bằng văn bản trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Phần cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ cổ phần do Nhà nước nắm giữ phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Việc sử dụng phần lợi nhuận sau thuế tương ứng phần vốn nhà nước để chia cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc bổ sung vốn nhà nước tại Công ty chỉ thực hiện khi đáp ứng điều kiện và sau khi có chủ trương phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

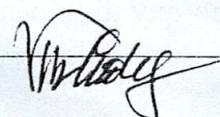
2. Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế (bao gồm Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác theo quy định) do Hội đồng quản trị xây dựng phương án trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm và phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty; trong đó mức trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi được thực hiện trong giới hạn theo kết quả xếp loại doanh nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

4. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

5. Sau khi có chủ trương của Thủ tướng chính phủ/Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở



giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

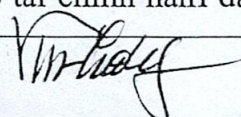
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm



toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đồng thời, Công ty thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp dữ liệu/báo cáo tài chính (và các tài liệu liên quan theo yêu cầu) cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và thực hiện cập nhật/gửi thông tin trên Hệ thống thông tin về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cá nhân/bộ phận liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu và thông tin báo cáo, bảo đảm đáp ứng yêu cầu báo cáo, giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các báo cáo này đồng thời là nguồn dữ liệu phục vụ nghĩa vụ báo cáo tình hình hoạt động, giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định pháp luật.

Điều 50. Báo cáo thường niên, tiếp nhận và công bố thông tin

1. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Đồng thời, để phục vụ cơ chế giám sát của chủ sở hữu nhà nước, Công ty thực hiện chế độ báo cáo định kỳ/đột xuất về tình hình hoạt động theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trong đó tối thiểu bao gồm: (i) chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hằng năm; (ii) nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị; (iii) kết quả thực hiện kế hoạch hằng quý (bao gồm dự án đầu tư, tiến độ dự án); (iv) báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (v) các vấn đề phát sinh tác động đến kết quả kinh doanh; (vi) kết quả giám sát nội bộ và các nội dung khác theo quy định.

2. Công ty phải công bố định kỳ hoặc bất thường trên trang thông tin điện tử của Công ty, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và của Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết theo quy định. Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin/dữ liệu để cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện đăng tải công khai trên Cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu; đồng thời phối hợp để Bộ Tài chính đăng tải công khai theo cơ chế công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp (trong phạm vi, thời hạn và hình thức theo quy định).

3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của Công ty được công bố tại khoản 1 nêu trên. Việc cung cấp/tiếp cận thông tin thực hiện theo quy định pháp luật và Quy chế công bố thông tin của Công ty; bảo đảm nguyên tắc công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời; đồng thời không công khai các nội dung thuộc bí mật nhà nước và thực hiện lưu trữ, quản lý thông tin theo quy định.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thiết lập kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty. Tại văn phòng Công ty phải có hộp thư của Hội đồng quản trị và hộp thư của Ban kiểm soát để tiếp nhận thông tin của cổ đông bất kỳ thời điểm nào các cổ đông cho là cần thiết phải có ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

5. Quy chế công bố thông tin: Công ty ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế công bố thông tin để hướng dẫn thống nhất việc tiếp nhận, phân loại, xử lý, phê duyệt và công bố thông tin; phân công trách nhiệm người/phận sự đầu mối công bố thông tin; đồng thời bảo đảm tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán và Giám sát nội bộ

1. Kiểm toán

1.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định pháp luật hoặc thông qua danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở hợp đồng kiểm toán (phạm vi, phí, thời hạn và các điều kiện khác) do Hội đồng quản trị thỏa thuận, bảo đảm tính độc lập, khách quan của kiểm toán theo quy định.

1.2. Báo cáo kiểm toán (kèm thư quản lý/ý kiến khuyến nghị của kiểm toán, nếu có) được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty và là tài liệu phục vụ công bố thông tin theo quy định. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện, khắc phục và/hoặc giải trình đối với các nội dung nêu trong báo cáo kiểm toán; đồng thời thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị/cảnh báo của cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán có liên quan theo quy định.

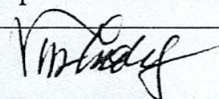
1.3. Kiểm toán viên/tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty được mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận về báo cáo tài chính và các vấn đề liên quan đến kiểm toán; được quyền nhận thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung đó và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và nghĩa vụ bảo mật thông tin.

2. Giám sát nội bộ

2.1. Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện giám sát nội bộ đối với hoạt động quản trị, điều hành, tài chính, đầu tư và quản lý, sử dụng vốn, tài sản (bao gồm phần vốn nhà nước tại Công ty), nhằm kịp thời phát hiện rủi ro, tồn tại, vi phạm; nâng cao hiệu quả hoạt động; tăng cường công khai, minh bạch; bảo toàn và phát triển vốn.

2.2. Nội dung giám sát nội bộ bao gồm:

a. Hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại



doanh nghiệp.

b. Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp.

c. Việc đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.

d. Việc quản lý của doanh nghiệp đối với công ty do doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ và đối với phần vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

đ. Các nội dung khác theo yêu cầu quản trị, giám sát của cơ quan có thẩm quyền và/hoặc theo quy chế nội bộ của Công ty.

2.3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thiết lập, duy trì cơ chế giám sát nội bộ phù hợp; ban hành hoặc phê duyệt các quy chế, quy trình có liên quan (bao gồm tối thiểu quy chế tài chính, quy trình kiểm soát, quản lý rủi ro, quy trình kiểm tra – giám sát nội bộ và cơ chế phối hợp giữa các bộ phận).

2.4. Tổng giám đốc và các đơn vị/cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy chế, quy trình giám sát nội bộ; kịp thời triển khai biện pháp khắc phục khi phát hiện rủi ro/vi phạm; thực hiện đầy đủ các kiến nghị của kiểm toán độc lập, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước (nếu có) và các cơ quan có thẩm quyền.

2.5. Kết quả giám sát nội bộ được tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản trị theo định kỳ và/hoặc đột xuất theo quy chế nội bộ; đồng thời được tổng hợp để phục vụ nghĩa vụ báo cáo, công khai thông tin và trách nhiệm giải trình theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

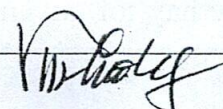
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.



127
Y
V
JC
VG
IAIP

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc tổ chức lại, yêu cầu phá sản, giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - 3.1. Các chi phí thanh lý.
 - 3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.
 - 3.3. Nợ thuế.
 - 3.4. Các khoản nợ khác của Công ty.
 - 3.5. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (3.1) đến (3.4) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc

nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các Luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

1.1. Cổ đông với Công ty.

1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX: KẾ THỪA, BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

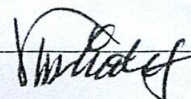
Điều 56. Kế thừa, Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Công ty kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng được bàn giao từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Hải Phòng.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu bằng văn bản trước khi tham gia thảo luận, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; việc biểu quyết của Người đại diện phần vốn nhà nước được thực hiện theo ý kiến/chỉ đạo hoặc trong phạm vi ủy quyền hợp lệ. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về sửa đổi, bổ sung Điều lệ có hiệu lực theo quy định của pháp luật và Điều lệ này (bao gồm thời điểm, điều kiện công bố/đăng ký và các thủ tục liên quan theo quy định).

3. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

4. Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng năm 2015, sửa đổi bổ sung lần 1 năm 2016, sửa đổi



bổ sung lần 2 năm 2019, sửa đổi bổ sung lần 3 năm 2022, sửa đổi bổ sung lần 4 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, được hợp nhất các nội dung sửa đổi thành Điều lệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng nhất trí thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2026 cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 01 bản, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu bốn (04) thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Việt Cường